



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

## BẢN TIN THAN NGÀY

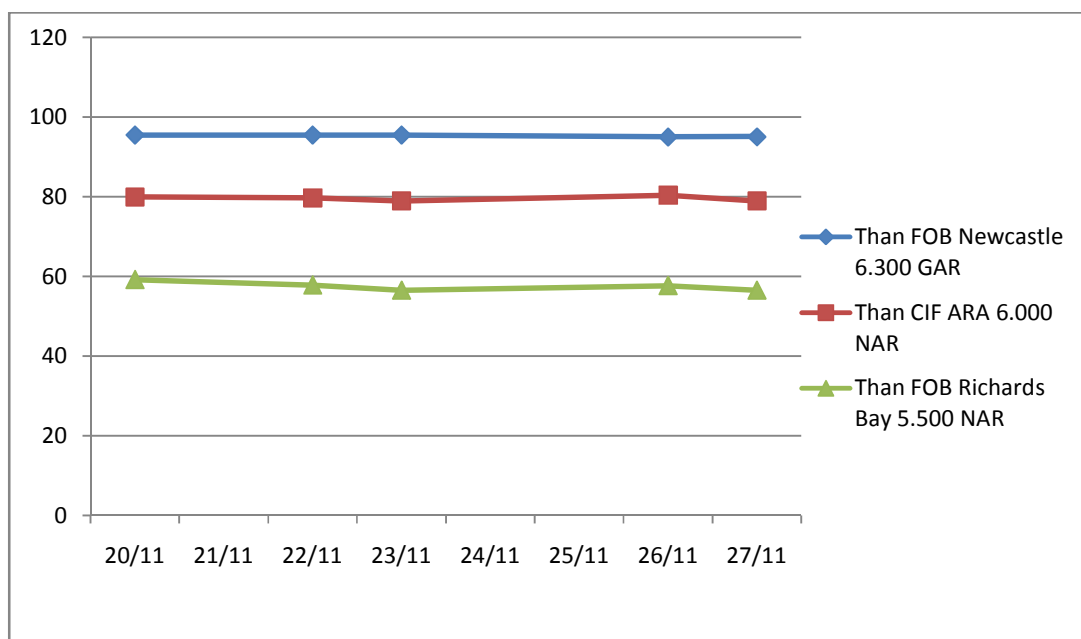
Ngày 29/11/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	95,65	+0,65	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	82,15	+1,75	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	60,25	+2,55	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	67,75	-0,25
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	47,00	-0,30

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	35,50	-0,50	245,73	-3,03
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	54,00	-0,50	373,78	-2,81
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	69,00	-0,20	477,61	-0,56

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 27/11/2018)

## **DIỂM TIN**

### **Thái Lan nhập khẩu 2,25 triệu tấn than trong tháng 10, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái**

Thái Lan đã nhập khẩu 2,25 triệu tấn than, chủ yếu là than bitum, anthracite, và các loại than khác trong tháng 10, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu Hải quan hôm thứ 5 (22/11). Trong tổng khối lượng than nhập khẩu, than bitum chiếm 664.362 tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái, các chuyến hàng chủ yếu đến từ Indonesia (328.301 tấn, tăng 4,3% so với năm ngoái), tiếp đến là Australia (292.255 tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm ngoái), và Nga (42.427 tấn, giảm 22,9% so với năm ngoái).

Nhập khẩu các loại than khác như lignite và sub-bitum trong tháng 10 đạt 1,57 triệu tấn, tăng 75,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Hầu hết các loại than khác đều được nhập khẩu từ Indonesia với 1,57 triệu tấn, tăng 102,4% so với năm ngoái. Thái Lan đã nhập khẩu 20.707 tấn than anthracite trong tháng 10, giảm 30,4% so với cùng kỳ năm ngoái và chủ yếu từ Việt Nam. Trong mười tháng đầu năm, Thái Lan đã nhập khẩu 21,29 triệu tấn than, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó chủ yếu là than bitum chiếm 6,94 triệu tấn, giảm 20,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị than nhập khẩu tương đương 1,39 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Indonesia và Australia tiếp tục là những nhà cung cấp than chính của Thái Lan trong giai đoạn vừa qua.

### **Lượng than nhiệt nhập khẩu tháng 10 của các NMNĐ Ấn Độ tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái**

Các nhà máy nhiệt điện tại Ấn Độ đã nhập khẩu khoảng 6,61 triệu tấn than trong tháng 10, tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu mới nhất được đưa ra bởi Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ vào thứ 3 (27/11). Trong đó khoảng 1,92 triệu tấn than được nhập khẩu bởi 18 nhà máy cho mục đích phối trộn và 4,69 triệu tấn than được nhập khẩu bởi 8 nhà máy nhiệt điện chỉ sử dụng than nhiệt nhập khẩu. Nhà máy nhiệt điện Mundra của Adani Power đã nhập khẩu lượng than nhiệt lớn nhất trong tháng 10, khoảng 1,33 triệu tấn, theo sau đó là siêu nhà máy nhiệt điện Mundra của Tata Power với 1,25 triệu tấn, và JSW Energy với 754.000 tấn. 35 nhà máy không nhập khẩu bất kỳ tấn than nào trong tháng trước. Trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10, tổng lượng than nhập khẩu của Ấn Độ đạt 33,95 triệu tấn, tăng chưa đến 1% so với năm ngoái. Các nhà máy nhiệt điện đã nhập khẩu 56,41 triệu tấn than hơi trong năm tài chính 2017-2018, giảm 13% so với cùng kỳ năm ngoái.

### **Giá cước vận chuyển than đường biển của Trung Quốc ngày 27/11 tiếp tục giảm so với tuần trước**

Giá cước vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao, miền Bắc Trung Quốc đến những cảng khác của tỉnh Zhangjiagang, Shanghai and Guangzhou tại miền Đông và miền Nam tiếp tục giảm trong tuần tính đến thứ 3 (27/11). Cụ thể cước phí vận chuyển than đường biển từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang, miền Đông tỉnh Jiangsu cho tàu trọng tải 20.000-30.000 tấn giảm 2 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 37,70 NDT/tấn (tương đương 5,43 USD/tấn), theo thông tin từ cảng vận Tân Hoàng Đảo. Cước phí vận chuyển từ Qinhuangdao đến Shanghai, miền Đông Trung Quốc cho tàu trọng tải 40.000-50.000 tấn giảm 1,20 NDT/tấn xuống còn 30,80 NDT/tấn. Cước phí vận chuyển từ Qinhuangdao đến tỉnh Guangzhou, miền Nam tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc cho tàu trọng tải 50.000-60.000 tấn giảm 3,10 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 39,50 NDT/tấn. Mức tiêu thụ than thấp và lượng than dự trữ cao tại các nhà máy nhiệt điện hạ nguồn đã khiến giá cước vận chuyển than tại Trung Quốc giảm. Lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao ở mức 5,565 triệu tấn tính đến thứ 3 (27/11), giảm từ con số 5,645 triệu tấn của tuần trước đó, theo dữ liệu của cảng vận.

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,35	+0,75
	Queensland	Nhật Bản	11,90	+0,90
	New South Wales	Hàn Quốc	12,75	+0,90
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,75	-0,05

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,50	+0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,95	-0,05
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,05	+0,15
	Australia	Trung Quốc	12,10	+0,55
	Australia	Ấn Độ	13,60	+0,55

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 27/11/2018)